

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cấp THCS
Năm học 2017-2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	833	269	202	177	185
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	833	269	202	177	185
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	74,8%	63,6%	76,2%	76,3%	88,1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25,2%	36,4%	23,8%	23,7%	11,9%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	833	269	202	177	185
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	74,8%	63,6%	76,2%	76,3%	88,1%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	25,2%	36,4%	23,8%	23,7%	11,9%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	30/833 3,6%	3 10,1%	10 33,3%	13 43,3%	4 13,3%
	Chuyển đến	33/833 3,9%	2 6,1%	15 45,5%	12 36,4%	4 12%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	47	8	3	12	24
1	Cấp huyện	28	0	1	6	21
2	Cấp tỉnh/thành phố	3			1	2

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	16	8	2	5	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	185	0	0	0	185
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	185	0	0	0	185
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	88,1%	0	0	0	88,1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11,9%	0	0	0	11,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	391/442				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	9	1	2	0	6

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế cấp THPT
Năm học 2017 – 2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	408	160	123	125
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	98.5%	98.75	97.5	99.2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1.5%	1.25	2.44	0.8
3	Trung bình- Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	408	160	123	125
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	47.1	50.63	38.21	51.2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49.8	48.12	53.66	48
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3.1	1.25	8.13	0.8
4	Yếu - Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	408	160	123	125
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	47.1	50.63	38.2	51.2
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	49.8	48.12	53.66	48
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số) Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	1.4	1.87	2.4	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0	0	0
IV	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				125
V	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				125
VI	Số học sinh nam/số học sinh nữ	231/177	89/71	70/53	72/53

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2018 - 2019

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
I	Giáo viên THCS										
	Trong đó số GV dạy môn:	62	62			24	36	2			
1	Toán	12	12			1	9	2			
2	Lý	3	3				3				
3	Hóa	6	6			2	4				
4	Sinh học	6	6			5	1				
5	Công Nghệ	2	2			1	1				
6	Ngữ Văn	9	9			6	3				
7	Lịch sử	4	4			3	1				
8	Địa lý	3	3			2	1				
9	GDCD	2	2				2				
10	Tiếng anh	6	6			2	4				
11	Tin học	3	3				3				
12	GD thể chất	2	2				2				
13	Mĩ thuật	2	2				2				
14	Âm nhạc	2	2			2					
II	Giáo viên THPT	47	45	2	2	22	23				
	Trong đó số GV dạy môn:										
1	Toán	10	10			4	6				
2	Lý	5	5			3	2				
3	Hóa	5	3	2	2	2	1				
4	Sinh học	3	3			3					
5	Công Nghệ	1	1				1				
6	Ngữ Văn	4	4			1	3				
7	Lịch sử	3	3			2	1				
8	Địa lý	2	2			1	1				

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
9	GDCD	2	2				2				
10	Tiếng anh	6	6			4	2				
11	Tin học	3	3			1	2				
12	GD thể chất	2	2				2				
13	GD quốc phòng	1	1			1	0				
II	CB quản lý, NV	76	76			5	43	5	23		
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	3	3			2	1				
3	HĐQT, CVP	3	3				3				
4	Trợ lý BGH	2	2				2				
5	Cố vấn	2	2				2				
6	Đoàn+ Đội	2	2				2				
7	Kế toán	1	1				1				
8	Thủ quỹ	1	1				1				
9	Thư viện	1	1				1				
11	Văn phòng	3	3				3				
12	Phòng chức năng	4	4				3	1			
13	CSVC	3	3				1	2			
14	Bảo vệ, lái xe	6	6							6	
15	Tr.thông, tr.thống	5	5				4	1			
16	Y tế	1	1				1				
17	GV Tâm lý	2	2				2				
18	BPQT	12	12			1	11				
19	CNTT	3	3			1	1	1			
20	Nhân viên khác	4	4				4				
21	Nhà bếp	17	17							17	

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2018 – 2019

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	48	1,9 m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	48	1,9 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	10	3 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	16	1,9 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	30hs/lớp	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6289	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	3106	
1	Diện tích phòng học (m ²)	864	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	965	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	119	
3	Diện tích thư viện (m ²)	220	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800	
5	Diện tích phòng khác (y tế.....)(m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	21	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	3	1 bộ/ 3 lớp
2	Khối lớp 7	3	1 bộ/ 3 lớp
3	Khối lớp 8	3	1 bộ/ 3 lớp
4	Khối lớp 9	3	1 bộ/ 2 lớp
5	Khối lớp 10	3	1 bộ/ 2 lớp
6	Khối lớp 11	3	1 bộ/ 2 lớp
7	Khối lớp 12	3	1 bộ/ 2 lớp
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	120	Số học sinh/bộ
-------------	---	-----	----------------

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	55	
5	Thiết bị khác (đài , máy phô tô)	10	
6	Bảng thông minh	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (200 m ²)
XI	Nhà ăn	1 (1000m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		3		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	có	
XIX	Tường rào xây	có	



BẢNG QUY ĐỊNH HỌC PHÍ NĂM HỌC 2018 - 2019

CHƯƠNG TRÌNH		LỚP	HỌC PHÍ/THÁNG
Chương trình Song ngữ Quốc tế Cambridge (CAIE)	Cambridge Primary Checkpoint (6-11 tuổi) Tiểu học	VNI	6.300.000
		CI	7.500.000
	Cambridge Secondary 1 (11-14 tuổi) Trung học cơ sở	VNI	6.300.000
		CI	7.500.000
	Cambridge Secondary 2 IGCSE (14-16 tuổi) Trung học phổ thông	IGCSE 10	8.000.000
	Cambridge Secondary 2 IGCSE (14-16 tuổi) Trung học phổ thông	IGCSE mới 9, 10 (học tăng cường các môn IGCSE từ 16 tiết/tuần lên 20 tiết/tuần)	9.000.000
Chương trình Việt Nam Chất lượng cao (VN)	Tiểu học	VN 3 - 5	5.000.000
	Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	VN 7 - 8 - 9	5.000.000
		VN 10 - 11 - 12	4.000.000

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục cấp THPT - Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS sinh năm 2003, tốt nghiệp THCS, học lực Khá, Giỏi, hạnh kiểm Tốt - Có trình độ Tiếng Anh trình độ PET trở lên (tương đương IELTS 4.0-5.0). - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày - Đủ điều kiện xét tuyển và đánh giá năng lực tổng hợp, tiếng Anh theo mô hình lớp: + HS học lớp Chất lượng cao phải đáp ứng đủ điều kiện về xét quá trình học tập THCS hoặc điểm thi tuyển vào lớp 10 THPT của Sở GD-ĐT (trường hợp có tham gia thi) + HS học hệ song ngữ phải đáp ứng các yêu cầu cao về tiếng Anh (IELTS 5.0 trở lên, không có kỹ năng nào dưới 4,5) và đủ điều kiện về kết quả bài kiểm tra đánh giá năng lực tổng hợp, phỏng vấn bằng tiếng Anh theo chủ đề.	- Học sinh trường Nguyễn Siêu đủ điều kiện lên lớp 11 của năm học trước - HS chuyển đến (nếu còn chỗ học) phải có xếp loại Học lực Khá, Giỏi, Hạnh kiểm Tốt, và <i>đáp ứng đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn, trình độ tiếng Anh theo từng mô hình lớp.</i> - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày.	- Học sinh trường Nguyễn Siêu đủ điều kiện lên lớp 12 của năm học trước - HS chuyển đến (nếu còn chỗ học) phải có xếp loại Học lực Khá, Giỏi, Hạnh kiểm Tốt, và <i>đáp ứng đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn, trình độ tiếng Anh theo từng mô hình lớp.</i> - Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
II	Chương trình giáo dục	-Lớp <i>Chất lượng cao (CLC)</i> thực hiện theo: + Chương trình của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường <i>Chất lượng cao</i>; + Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và hướng đến thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. - <i>Lớp song ngữ</i>: Học Chương trình CLC của Việt Nam và Chương trình trường Phổ thông Quốc tế Cambridge (mã số trường VN236) thuộc Đại học Cambridge Vương quốc Anh	-Lớp <i>Chất lượng cao (CLC)</i> thực hiện theo: + Chương trình của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường <i>Chất lượng cao</i>; + Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và hướng đến thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. - <i>Lớp song ngữ</i>: Học Chương trình CLC của Việt Nam và Chương trình trường Phổ thông Quốc tế Cambridge (mã số trường VN236) thuộc Đại học Cambridge Vương quốc Anh - <i>Lớp dự bị đại học quốc tế Cambridge A-Level</i>: Học Chương trình CLC của Việt Nam và các môn học của Chương trình quốc tế Cambridge A-Level.	-Lớp <i>Chất lượng cao (CLC)</i> thực hiện theo: + Chương trình của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; + Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường <i>Chất lượng cao</i>; + Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và hướng đến thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. - <i>Lớp song ngữ</i>: Học Chương trình CLC của Việt Nam và Chương trình trường Phổ thông Quốc tế Cambridge (mã số trường VN236) thuộc Đại học Cambridge Vương quốc Anh - <i>Lớp dự bị đại học quốc tế (Foundation) của Đại học Massey-New Zealand</i>: Học Chương trình CLC của Việt Nam và các môn học của Chương trình dự bị quốc tế Foundation giai đoạn 1. Giai đoạn 2 học tại New Zealand.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa Nhà trường và gia đình; Yêu cầu về	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ	1. Cha mẹ học sinh (CMHS) phối hợp với nhà trường theo nội quy, quy định của cấp học, theo điều lệ

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	thái độ học tập của học sinh	nhà trường và quy định nhập học của trường. 2. CMHS và nhà trường trao đổi thông tin với qua hệ thống liên lạc điện tử, gặp gỡ trực tiếp và qua các đợt họp CMHS định kỳ hàng năm. 3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.	nhà trường và quy định nhập học của trường. 2. CMHS và nhà trường trao đổi thông tin với qua hệ thống liên lạc điện tử, gặp gỡ trực tiếp và qua các đợt họp CMHS định kỳ hàng năm. 3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.	nhà trường và quy định nhập học của trường. 2. CMHS và nhà trường trao đổi thông tin với qua hệ thống liên lạc điện tử, gặp gỡ trực tiếp và qua các đợt họp CMHS định kỳ hàng năm. 3. Yêu cầu học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, chủ động, trung thực.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh tại trường	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn xã hội.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn XH.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - HS được tham gia các hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm; các hoạt động tập thể; thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ; tham gia các câu lạc bộ theo nguyện vọng và năng lực. - HS được tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và phòng chống các tệ nạn xã hội.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- HS có phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính	- HS có phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm	- HS có phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - HS có năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, tính

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
		toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - Có kỹ năng làm chủ bản thân với 7 thói quen thành đạt theo dự án "The Leader in Me" của Franklin Covey. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 100%. - Học lực Giỏi và Khá trên 80% không có HS học Yếu. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kỳ thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*, - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B trở lên (tương đương IELTS trên 7.0).	hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - Có kỹ năng làm chủ bản thân với 7 thói quen thành đạt theo dự án "The Leader in Me" của Franklin Covey. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 100%. - Học lực Giỏi và Khá trên 80% không có HS học Yếu. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kỳ thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*, - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B trở lên (tương đương IELTS trên 7.0).	toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất. - Có kỹ năng làm chủ bản thân với 7 thói quen thành đạt theo dự án "The Leader in Me" của Franklin Covey. - HS có các kỹ năng sống hội nhập môi trường quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, nếp văn hóa Nguyễn Siêu. - Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 100%. - Học lực Giỏi và Khá trên 80% không có HS học Yếu. - Học sinh lên lớp thẳng 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - Tham gia các Kỳ thi lấy chứng chỉ IGCSE đạt 100%, trong đó có trên 70% điểm A và A*, - Môn Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 đạt 100% điểm C (tương đương IELTS 6.5), trong đó 60% đạt từ B trở lên (tương đương IELTS trên 7.0).
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Được lên lớp 11: 100% Tiếp tục học chương trình quốc tế ở các mức độ cao hơn: 100%	- Được lên lớp 12: 100% - Tiếp tục học chương trình quốc tế ở các mức độ cao hơn: 100%	- Tốt nghiệp THPT: 100% - Đạt nguyện vọng vào các trường Đại học Việt Nam: 100%

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
			hoặc chuyển tiếp học dự bị đại học quốc tế.	- Đủ điều kiện đi du học tại các nước trên thế giới hoặc chuyển tiếp học dự bị đại học quốc tế.

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục cấp THCS - Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh sinh năm 2007. Đảm bảo sức khỏe để học tập 2 buổi/ngày. Hoàn thành các nhiệm vụ học tập cấp Tiểu học Đủ điều kiện đánh giá của chương trình “Ngày hội định hướng cấp THCS”.	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt. Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày. Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt. Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày. Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.	Học sinh có kết quả năm học trước đạt: Học lực Khá, Giỏi Hạnh kiểm: Tốt. Đảm bảo đủ sức khỏe học tập 2 buổi/ngày. Đủ điều kiện đánh giá năng lực bộ môn theo mô hình lớp.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội	Chương trình quốc gia Việt Nam của Bộ GD&ĐT theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Chương trình bổ sung nâng cao Toán, Ngữ văn được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt theo tiêu chí trường Chất lượng cao. Chương trình tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) và thi các chứng chỉ Tiếng Anh Cambridge các trình độ. Chương trình các bộ môn song ngữ của Hội

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		đồng khảo thí Cambridge	đồng khảo thí Cambridge	đồng khảo thí Cambridge	đồng khảo thí Cambridge
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học và theo điều lệ nhà trường.	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học và theo điều lệ nhà trường	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học và theo điều lệ nhà trường	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thông qua Quy định nhập học giữa nhà trường và gia đình, các nội quy, quy định của cấp học và theo điều lệ nhà trường
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội, ...trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh. - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội, ...trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh. - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội, ...trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh. - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.	- Dịch vụ đưa đón, quản lý học sinh đến trường bằng ô tô, dịch vụ ăn nghỉ trưa tại trường. - Các hoạt động trải nghiệm môn học, kĩ năng sống, kĩ năng xã hội, ...trong và ngoài nhà trường được nghiên cứu và tăng cường nhằm phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh. - Các câu lạc bộ phát triển kĩ năng, năng khiếu và thể lực của học sinh.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Năng lực Tốt: 65%; Phẩm chất Tốt: 100%	Năng lực Tốt: 70%; Phẩm chất Tốt: 100%	Năng lực Tốt: 75%; Phẩm chất Tốt: 100%	Năng lực Tốt: 75%; Phẩm chất Tốt: 100%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ điều kiện lên lớp 7	Đủ điều kiện lên lớp 8	Đủ điều kiện lên lớp 9	Đủ điều kiện học tập bậc học THPT